

GRAMMAR: RELATIVE CLAUSES

(Ngữ pháp: Mệnh đề quan hệ)

UNIT 8: NEW WAYS TO LEARN**MÔN: TIẾNG ANH 10 GLOBAL SUCCESS****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. Định nghĩa:**

- Mệnh đề quan hệ cung cấp thêm thông tin về một người hoặc vật bằng việc xác định danh từ trước nó. Nó thường bắt đầu với một đại từ quan hệ: *who, that, which* hoặc *whose*.

- Có hai loại mệnh đề quan hệ:

+ Mệnh đề quan hệ xác định cung cấp thông tin cần thiết về một người hoặc vật được đề cập đến.

Ví dụ: The man **who visited us yesterday** is a famous doctor.

(Người đàn ông đã đến thăm chúng tôi hôm qua là một bác sĩ nổi tiếng.)

+ Mệnh đề quan hệ không xác định cung cấp thông tin bổ sung về người hoặc vật được đề cập. Nó thường được đặt giữa các dấu phẩy.

Ví dụ: My uncle, **who visited us yesterday**, is a famous doctor.

(Chú tôi, người mà đã đến thăm chúng tôi ngày hôm qua, là một bác sĩ nổi tiếng.)

II. Các đại từ quan hệ:

Đại từ quan hệ	Ý nghĩa	Ví dụ
who	<ul style="list-style-type: none"> - Là đại từ quan hệ chỉ người, “who” có thể đóng vai trò là chủ ngữ hoặc tân ngữ trong mệnh đề trong hệ. - Khi “who” là chủ ngữ trong mệnh đề quan hệ, theo sau nó là một động từ. - Khi “who” sẽ đóng vai trò như một tân ngữ trong mệnh đề quan hệ, theo sau nó là chủ ngữ của động từ. 	<ul style="list-style-type: none"> - The little boy who is riding the bike is my kid. (Đứa nhỏ đang đạp xe là con tôi.) => Ở đây, mệnh đề “who is riding the bike” bổ nghĩa cho danh từ “the little boy” và đại từ quan hệ “who” cũng chính là chủ ngữ thực hiện hành động “is riding the bike” - Do you know the man who I met yesterday? (Bạn có biết người đàn ông hôm qua tôi gặp không?) => Mệnh đề “who I met yesterday” bổ nghĩa cho danh từ “the man” nhưng đại từ quan hệ “who” không mang chức năng chủ ngữ trong mệnh đề quan hệ.
whom	- Là đại từ quan hệ chỉ người làm tân ngữ, “whom” đóng vai trò là tân ngữ	The beautiful woman whom we saw yesterday is a doctor.

	<p>trong mệnh đề quan hệ, theo sau nó là chủ ngữ của động từ.</p> <p>- Lưu ý: Ta có thể sử dụng “who” thay thế cho “whom”.</p>	<p>(Người phụ nữ xinh đẹp chúng ta gặp hôm qua là bác sĩ.)</p> <p>=> Mệnh đề quan hệ “whom we saw yesterday” bổ nghĩa cho danh từ “the beautiful woman”. Đại từ “whom” là tân ngữ của động từ “saw” và được theo sau bởi chủ ngữ “we”.</p>
which	<p>- Là đại từ quan hệ chỉ vật, “which” có thể đóng vai trò là chủ ngữ hoặc tân ngữ trong mệnh đề trong hệ.</p> <p>- Khi “which” là chủ ngữ trong mệnh đề quan hệ, theo sau nó là một động từ.</p> <p>- Khi “which” sẽ đóng vai trò như một tân ngữ trong mệnh đề quan hệ, theo sau nó là chủ ngữ của động từ.</p>	<p>- The mug which is on the right side is mine. (Chiếc cốc phía bên phải là của tôi.)</p> <p>=> Ở đây, mệnh đề “who is on the right side” bổ nghĩa cho danh từ “the mug” và đại từ quan hệ “which” cũng chính là chủ ngữ của động từ “is”</p> <p>- The story which she told me yesterday is very interesting. (Câu chuyện hôm qua cô ấy kể cho tôi rất thú vị.)</p> <p>=> Mệnh đề “which she told me yesterday” bổ nghĩa cho danh từ “the story” và đại từ quan hệ “which” là tân ngữ trong mệnh đề quan hệ.</p>
that	<p>Là đại từ quan hệ chỉ cả người lẫn vật, có thể sử dụng để thay thế cho <i>who</i>, <i>whom</i> và <i>which</i> trong mệnh đề quan hệ xác định.</p>	<p>- This is the book which/ that I like best. (Đây là cuốn sách tôi thích nhất.)</p> <p>- He is the person whom/ that I admire most. (Anh ấy là người mà tôi ngưỡng mộ nhất.)</p> <p>- Can you see the girl who/ that is running with a big dog? (Bạn có thấy cô gái đang chạy cùng với một chú chó lớn không?)</p>
whose	<p>Là đại từ quan hệ chỉ người, thay cho tính từ sở hữu, theo sau whose luôn là 1 danh từ. Chúng ta có thể dùng “of which” thay thế cho “whose” mà không làm thay đổi ý nghĩa của câu.</p>	<p>The boy whose pen you borrowed yesterday is Harry. (Chàng trai mà bạn mượn bút hôm qua là Harry.)</p>